



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Trụ sở chính : 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
Nhà máy : Km 35, quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng  
Tel : +84.225.3525195 Fax : +84.225.3824562  
Email : info@lilama69-2.com.vn Web : www.lilama69-2.com.vn



Số *2.4* /CBTT- 2022

Hải Phòng, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**

2. Mã chứng khoán: **L62**

3. Địa chỉ: **Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng**

4. Điện thoại: 02253.525 195 Fax: 02253.824 562

5. Người thực hiện công bố thông tin: **Bà Trần Thị Hương** – Kế toán trưởng Công ty

6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu năm 2022 sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải: <http://www.lilama69-2.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như k. gửi,
- Lưu.

NGƯỜI ĐƯỢC UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN *TH*



**Trần Thị Hương**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

**Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022**

# MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
3	Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được	
	<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp giữa niên độ</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp</i>	10 - 31

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 69-2 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155547 ngày 29/12/2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng (Tám mươi hai tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155547 ngày 29/12/2017 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;



**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2022 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Ông Vũ Kế Chương	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Trương Đức Thành	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Minh	Thành viên hội đồng quản trị

**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm**

Ông Vũ Kế Chương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/6/2022
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/6/2022
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Giám Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Kế Chương, chức vụ Chủ tịch HĐQT.

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **7. Phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Hội đồng quản trị ✓



Vũ Kế Chương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2022





Số: 064/2022/BCSXTH-PB.00081

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Lilama 69-2

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi là "Công ty"), được lập từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**ÔNG THẾ ĐỨC**

Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0855-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>481.541.153.417</b>	<b>496.547.090.391</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>2.017.534.852</b>	<b>815.923.392</b>
1. Tiền	111		2.017.534.852	815.923.392
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>250.239.676.642</b>	<b>293.673.290.037</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	149.912.039.336	205.054.237.854
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		29.932.119.345	41.891.217.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	79.365.872.791	53.783.864.473
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.970.354.830)	(7.056.030.090)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>227.832.572.937</b>	<b>201.925.545.575</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.4	227.832.572.937	201.925.545.575
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.451.368.986</b>	<b>132.331.387</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5.a	99.277.077	132.331.387
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.352.091.909	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>88.316.316.998</b>	<b>94.034.278.527</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.081.595.509</b>	<b>2.487.974.965</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.081.595.509	2.487.974.965
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>76.066.759.776</b>	<b>81.256.629.087</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	75.302.578.411	76.833.335.494
- Nguyên giá	222		185.906.199.311	179.951.204.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.603.620.900)	(103.117.868.575)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	-	3.611.843.280
- Nguyên giá	225		-	6.734.410.019
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(3.122.566.739)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	764.181.365	811.450.313
- Nguyên giá	228		1.881.110.846	1.881.110.846
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.116.929.481)	(1.069.660.533)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	5.9	<b>5.307.341.259</b>	<b>5.250.043.801</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.307.341.259	5.250.043.801
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.860.620.454</b>	<b>5.039.630.674</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5.b	4.860.620.454	5.039.630.674
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>569.857.470.415</b>	<b>590.581.368.918</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>469.542.929.058</b>	<b>484.510.688.696</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>468.317.752.998</b>	<b>481.431.671.932</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	85.159.236.205	98.419.532.970
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		74.654.248.887	49.728.912.911
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11a	13.419.445.369	11.890.982.257
4. Phải trả người lao động	314		218.202.341	395.954.850
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	4.229.517.284	10.963.207.062
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	35.254.494.552	27.737.978.268
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	253.318.695.642	280.217.190.896
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.063.912.718	2.077.912.718
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.225.176.060</b>	<b>3.079.016.764</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	1.225.176.060	3.079.016.764
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>100.314.541.357</b>	<b>106.070.680.222</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>100.314.541.357</b>	<b>106.070.680.222</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.462.273	36.462.273
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.854.216.596	19.854.216.596
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.333.125.863	3.333.125.863
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.891.693.375)	(135.554.510)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(135.554.510)	2.941.776.941
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.756.138.865)	(3.077.331.451)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>569.857.470.415</b>	<b>590.581.368.918</b>



Vũ Kế Chương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2022

Trần Thị Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đạt  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	57.113.595.971	42.251.418.622
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		57.113.595.971	42.251.418.622
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	39.222.884.043	23.230.756.723
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.890.711.928	19.020.661.899
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	267.813.498	15.579.368
7. Chi phí tài chính	22	6.4	13.704.348.355	13.691.078.872
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.698.313.380</i>	<i>13.551.157.141</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.598.173.350	5.339.589.135
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.143.996.279)	5.573.260
11. Thu nhập khác	31		387.857.414	144.233.967
12. Chi phí khác	32		-	47.387.005
13. Lợi nhuận khác	40		387.857.414	96.846.962
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.756.138.865)	102.420.222
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	-	38.552.883
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.756.138.865)	63.867.339
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	(694)	8
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(694)	8



Vũ Kế Chương  
 Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2022

Trần Thị Hương  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đạt  
 Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2022 VND	2021 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	142.421.772.485	97.425.124.936
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(67.934.344.680)	(89.581.375.095)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(12.485.569.340)	(10.735.294.109)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(12.391.962.608)	(13.051.935.017)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	8.778.112.559	19.747.351.011
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(28.517.602.722)	(3.562.075.092)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>29.870.405.694</b>	<b>241.796.634</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	62.000.000	374.000.000
3. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.212.380	15.371.040
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>83.212.380</b>	<b>389.371.040</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	12.214.604.937	29.557.916.763
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(39.748.681.951)	(35.617.810.238)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.218.258.944)	(1.230.012.947)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(28.752.335.958)</b>	<b>(7.289.906.422)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>1.201.282.116</b>	<b>(6.658.738.748)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>815.923.392</b>	<b>7.799.909.180</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	329.344	769.570
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2.017.534.852</b>	<b>1.141.940.002</b>



**Vũ Kế Chương**  
**Chủ tịch HĐQT**

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2022

**Trần Thị Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Văn Đạt**  
**Người lập**



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

#### 1. Đặc điểm hoạt động

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.298.243 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

##### 1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa.

##### 1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 30/06/2022, 01 chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể:

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

<i>Tên Công ty</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Chi nhánh Công ty CP Lilama 69-2 – Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu	Chi nhánh hạch toán độc lập	Quận Hồng Bàng – TP. Hải Phòng	Xây lắp	

**2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng****3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**4. Các chính sách kế toán áp dụng****4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **4.6 Tài sản cố định và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

#### **4.8 Vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

##### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



**Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

**4.9 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch giao hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**4.11 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

**4.12 Công cụ tài chính****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	613.726.144	569.073.774
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.403.808.708	246.849.618
<b>Cộng</b>	<b>2.017.534.852</b>	<b>815.923.392</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**5.2 Phải thu khách hàng**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan</b>	<b>149.912.039.336</b>	<b>205.054.237.854</b>
- Công ty Cổ phần Thương Mại Thái Giang	7.961.416.642	9.461.416.642
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và tư vấn Đông Nam á	11.998.288.400	11.998.288.400
- Công ty TNHH Xây dựng công nghiệp Olympia	6.583.726.324	7.281.731.275
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng UNICONS	11.467.486.265	55.412.786.370
- Công ty CP công nghiệp tàu thủy Đông Bắc	11.768.556.809	13.706.575.637
- HĐ 01/2015/HĐKT/DBS-LILAMA		
- Khách hàng khác	100.132.564.896	107.193.439.530
<b>Cộng</b>	<b>149.912.039.336</b>	<b>205.054.237.854</b>

**Nợ xấu**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Cty Dệt kim Hải Phòng	71.340.916	-	71.340.916	-
- Contrexim - khu phụ trợ XMHP	146.166.157	-	146.166.157	-
- Nguyễn Hữu Dân	8.648.000	-	8.648.000	-
- Cty CP Dệt may XK Hải Phòng	3.530.030.467	-	3.530.030.467	-
- Công trình đúc Tân Long	3.028.418.120	-	3.028.418.120	-
- Contrexim - công trình cảng Cái Lân	27.826.530	-	27.826.530	-
- Nhà máy TĂ gia súc Thái Bình	18.194.000	-	18.194.000	-
- Cột phát sóng ăng ten Cát Bà	12.000.000	-	12.000.000	-
- Hoàng Thế Bách	13.815.000	-	13.815.000	-
- Cty CP ĐT & PT Điện Miền Bắc 3 (Nậm Đông)	1.914.324.740	-	-	-
- Cty CN tàu thủy Ngô Quyền HP	199.590.900	-	199.590.900	-
<b>Cộng</b>	<b>8.970.354.830</b>	<b>-</b>	<b>7.056.030.090</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>79.365.872.791</b>	<b>-</b>	<b>53.783.864.473</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	3.756.540.795	-	2.599.630.755	-
- Phải thu khác	14.727.100.517	-	15.796.096.973	-
- Tạm ứng	60.882.231.479	-	35.388.136.745	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.081.595.509</b>	<b>-</b>	<b>2.487.974.965</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	2.081.595.509	-	2.487.974.965	-
<b>Cộng</b>	<b>81.447.468.300</b>	<b>-</b>	<b>56.271.839.438</b>	<b>-</b>

**5.4 Hàng tồn kho**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	28.956.515.534	-	30.833.912.010	-
Công cụ, dụng cụ	653.106.532	-	667.980.818	-
Chi phí SXKD DD	198.222.950.871	-	170.423.652.747	-
<b>Cộng</b>	<b>227.832.572.937</b>	<b>-</b>	<b>201.925.545.575</b>	<b>-</b>

**5.5 Chi phí trả trước**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>99.277.077</b>	<b>132.331.387</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.186.946	7.361.944
- Các khoản khác	96.090.131	124.969.443
<b>b. Dài hạn</b>	<b>4.860.620.454</b>	<b>5.039.630.674</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	41.756.876	103.602.875
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	62.587.057	110.687.059
- Các khoản khác	4.756.276.521	4.825.340.740
<b>Cộng</b>	<b>4.959.897.531</b>	<b>5.171.962.061</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**5.6 Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2022	-	1.881.110.846	1.881.110.846
30/06/2022	-	1.881.110.846	1.881.110.846
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN</b>			
01/01/2022	-	1.069.660.533	1.069.660.533
- Khấu hao trong kỳ	-	47.268.948	47.268.948
30/06/2022	-	1.116.929.481	1.116.929.481
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2022	-	811.450.313	811.450.313
30/06/2022	-	764.181.365	764.181.365



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị đựng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
01/01/2022	90.797.357.024	57.262.725.301	31.354.736.705	536.385.039	-	179.951.204.069
- Tăng khác	-	4.047.907.074	2.760.581.455	-	-	6.808.488.529
- Thanh lý, nhượng bán	-	(333.174.287)	(520.319.000)	-	-	(853.493.287)
30/06/2022	90.797.357.024	60.977.458.088	33.594.999.160	536.385.039	-	185.906.199.311
<b>HAO MÔN LỬY KẾ</b>						
01/01/2022	37.274.159.800	35.699.345.926	29.717.193.578	427.169.271	-	103.117.868.575
- Khấu hao trong kỳ	2.266.763.142	3.249.772.303	2.806.567.203	16.142.964	-	8.339.245.612
- Thanh lý, nhượng bán	-	(333.174.287)	(520.319.000)	-	-	(853.493.287)
30/06/2022	39.540.922.942	38.615.943.942	32.003.441.781	443.312.235	-	110.603.620.900
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2022	53.523.197.224	21.563.379.375	1.637.543.127	109.215.768	-	76.833.335.494
30/06/2022	51.256.434.082	22.361.514.146	1.591.557.379	93.072.804	-	75.302.578.411

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

44.840.701.923 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

52.566.701.110 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**5.8 Tài sản cố định thuê tài chính**

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2022	2.730.545.455	4.003.864.564	6.734.410.019
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.730.545.455)	(4.003.864.564)	(6.734.410.019)
30/06/2022	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2022	1.971.541.626	1.151.025.113	3.122.566.739
- Khấu hao trong kỳ	587.825.756	376.937.432	964.763.188
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.559.367.382)	(1.527.962.545)	(4.087.329.927)
30/06/2022	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2022	759.003.829	5.154.889.677	3.611.843.280
30/06/2022	-	-	-

**5.9 Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2022 <u>VND</u>	01/01/2022 <u>VND</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2018	3.006.512.568	3.006.512.568
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2019	1.560.472.163	1.560.472.163
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2020	740.356.528	683.059.070
<b>Cộng</b>	<b>5.307.341.259</b>	<b>5.250.043.801</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**5.10 Phải trả người bán**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>85.159.236.205</b>	<b>85.159.236.205</b>	<b>98.419.532.970</b>	<b>98.419.532.970</b>
- Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Hoàng Dương	8.295.809.881	8.295.809.881	8.295.809.881	8.295.809.881
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn IPC	7.358.714.653	7.358.714.653	7.358.714.653	7.358.714.653
- Công ty Cổ phần Việt Nhật JPWAY	889.360.000	889.360.000	5.689.360.000	5.689.360.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Bạch Đằng (Bimexco)	7.202.044.891	7.202.044.891	7.202.044.891	7.202.044.891
- Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại Tam Long	5.366.888.024	5.366.888.024	12.896.536.927	12.896.536.927
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	6.179.935.800	6.179.935.800	6.064.885.800	6.064.885.800
- Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	838.729.247	838.729.247	4.518.285.321	4.518.285.321
- Phải trả khác	49.027.753.709	49.027.753.709	46.393.895.497	46.393.895.497
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>85.159.236.205</b>	<b>85.159.236.205</b>	<b>98.419.532.970</b>	<b>98.419.532.970</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	10.054.485.126	444.968.049	-	10.499.453.175
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	265.104.374	-	-	265.104.374
- Thuế thu nhập cá nhân	93.680.450	27.539.900	8.019.937	113.200.413
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	978.079.300	1.063.975.100	-	2.042.054.400
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.890.982.257</b>	<b>1.539.483.049</b>	<b>11.019.937</b>	<b>13.419.445.369</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**5.12 Chi phí phải trả**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.229.517.284</b>	<b>10.963.207.062</b>
- Trích trước chi phí công trình	2.843.556.816	10.879.207.192
- Trích trước lãi vay phải trả	1.385.960.468	83.999.870
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.229.517.284</b>	<b>10.963.207.062</b>

**5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>35.254.494.552</b>	<b>27.737.978.268</b>
- Kinh phí công đoàn	3.353.528.394	3.353.528.394
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	9.603.335.364	8.940.686.326
- Bảo hiểm thất nghiệp	835.656.717	787.934.861
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.461.974.077	14.655.828.687
+ Đoàn phí công đoàn	1.053.362.021	1.156.298.021
+ Phải trả đối tượng khác	20.408.612.056	13.499.530.666
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>35.254.494.552</b>	<b>27.737.978.268</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**5.14 Vay và nợ thuế tài chính**

TT	Nội dung	30/06/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a.	Vay ngắn hạn	253.318.695.642	253.318.695.642	12.214.604.937	39.113.100.191	280.217.190.896	280.217.190.896
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng <sup>(1)</sup>	214.290.233.871	214.290.233.871	4.356.604.937	29.534.477.195	239.468.106.129	239.468.106.129
-	Ngân hàng TMCP quân đội <sup>(2)</sup>	28.280.461.771	28.280.461.771	-	810.000.000	29.090.461.771	29.090.461.771
-	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh <sup>(3)</sup>	7.858.000.000	7.858.000.000	7.858.000.000	7.858.622.996	7.858.622.996	7.858.622.996
-	Vay cá nhân	2.890.000.000	2.890.000.000	-	910.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000
b.	Vay dài hạn	1.225.176.060	1.225.176.060	-	635.581.760	1.860.757.820	1.860.757.820
-	Ngân hàng TMCP quân đội - CN Hải Phòng <sup>(4)</sup>	1.225.176.060	1.225.176.060	-	635.581.760	1.860.757.820	1.860.757.820
c.	Thuế tài chính	-	-	-	1.218.258.944	1.218.258.944	1.218.258.944
-	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN <sup>(5)</sup>	-	-	-	1.218.258.944	1.218.258.944	1.218.258.944
<b>Cộng</b>		<b>254.543.871.702</b>	<b>254.543.871.702</b>	<b>12.214.604.937</b>	<b>40.966.940.895</b>	<b>283.296.207.660</b>	<b>283.296.207.660</b>

**d. Các khoản nợ thuế tài chính**

Thời hạn	Kỳ này		Kỳ trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền TTC	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền TTC	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
- Trên 1 đến 5 năm	1.247.077.773	1.218.258.944	1.367.632.883	137.619.936
				1.230.012.947



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

#### 5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

(1) Vay Ngân hàng SHB chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 370/2020/HDHM-PN/SHB 110400 ngày 27/10/2020, thời hạn vay tối đa là 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 250 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh chế tạo kết cấu, lắp đặt thiết bị, chế tạo lắp máy, sản xuất và kinh doanh thiết bị lọc tinh điện, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản quy định trong hợp đồng thế chấp.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 31600.20.257.1339407.TD ngày 03/07/2020, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp công trình và sản xuất thiết bị lọc bụi tinh điện của khách hàng, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10074/20MB/HĐTD ký ngày 25/06/2020, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng. Mục đích vay để thanh toán LC do HDBank phát hành để nhập khẩu thép, thanh toán tiền thuế nhập khẩu, tài trợ vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.

(4) Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số SHB14L2106/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tinh điện; thời hạn vay là 90 tháng; lãi suất vay thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án hình thành sau đầu tư.

(5) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 18791.18.257.1339407.TD ngày 03/07/2018, hạn mức cho vay 10,5 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để phục vụ đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh năm 2018 của công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 27577.19.257.1339407.TD ngày 19/07/2019, hạn mức cho vay 2,471 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư thiết bị công trực và cần trục. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 33837.19.257.1339407.TD ngày 11/09/2019, hạn mức cho vay 10,29 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư năng lực sản xuất công ty năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(6) Thuê tài chính của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số C200634215 ngày 15/07/2020, thời hạn 24 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 2.304.692.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi trung bình của lãi suất tiền gửi áp dụng cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn 13 tháng, lãi nhận cuối kỳ cộng biên độ 3%.

- Hợp đồng thuê tài chính số C200818012 ngày 26/08/2020, thời hạn 24 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 2.201.437.481 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi trung bình của lãi suất tiền gửi áp dụng cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn 13 tháng, lãi nhận cuối kỳ cộng biên độ 3%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**5.15 Vốn chủ sở hữu****5.15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND			VND	VND			
<b>01/01/2021</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>36.462.273</b>	-	-	<b>19.854.216.596</b>	<b>3.333.125.863</b>	<b>3.472.516.941</b>	<b>109.678.751.673</b>	
- Lỗ năm trước							(3.077.331.451)	(3.077.331.451)	
- Chia cổ tức							(530.740.000)	(530.740.000)	
- Giám khác							(138.713)	(138.713)	
<b>31/12/2021</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>36.462.273</b>	-	-	<b>19.854.216.596</b>	<b>3.333.125.863</b>	<b>(135.693.223)</b>	<b>106.070.541.509</b>	
<b>01/01/2022</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>36.462.273</b>	-	-	<b>19.854.216.596</b>	<b>3.333.125.863</b>	<b>(135.554.510)</b>	<b>106.070.680.222</b>	
- Tăng vốn trong kỳ							-	-	
- Lỗ trong kỳ							(5.756.138.865)	(5.756.138.865)	
- Tăng khác				248.606.277			-	248.606.277	
- Giám khác				(248.606.277)			-	(248.606.277)	
<b>30/06/2022</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>36.462.273</b>	-	-	<b>19.854.216.596</b>	<b>3.333.125.863</b>	<b>(5.891.693.375)</b>	<b>100.314.541.357</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**5.15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty CP Đầu tư công nghiệp nặng Việt Hải	11.046.560.000	11.046.560.000
- Nguyễn Xuân Kỳ	11.903.700.000	11.903.700.000
- Trần Xuân Trường	6.549.830.000	6.549.830.000
- Hoàng Sĩ Khang	6.985.290.000	6.985.290.000
- Vũ Khắc Nhiệm	6.985.290.000	6.985.290.000
- Hoàng Trung Kiên	5.198.350.000	5.198.350.000
- Vốn góp của cổ đông khác	34.313.410.000	34.313.410.000
<b>Cộng</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>82.982.430.000</b>

**5.15.3 Cổ phiếu**

	30/06/2022	01/01/2022
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.298.243	8.298.243
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2022	2021
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	57.113.595.971	42.251.418.622
<b>Cộng</b>	<b>57.113.595.971</b>	<b>42.251.418.622</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2022	2021
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	39.222.884.043	23.230.756.723
<b>Cộng</b>	<b>39.222.884.043</b>	<b>23.230.756.723</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.169.041	15.579.368
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.428.755	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	228.215.702	-
<b>Cộng</b>	<b>267.813.498</b>	<b>15.579.368</b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	13.698.313.380	13.551.157.141
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.034.975	96.964.540
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	42.957.191
<b>Cộng</b>	<b>13.704.348.355</b>	<b>13.691.078.872</b>

**6.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(5.756.138.865)</b>	<b>102.420.222</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>-</b>	<b>90.344.191</b>
- Các khoản chi phí không hợp lý	-	27.000.000
- Các khoản chi phí (phạt)	-	20.387.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	42.957.191
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>(5.756.138.865)</b>	<b>192.764.413</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>38.552.883</b>

**6.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu***Lãi cơ bản trên cổ phiếu:*

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(5.756.138.865)	63.867.339
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	8.298.243	8.298.243
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(694)</b>	<b>8</b>
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	39.047.213.041	6.713.727.829
- Chi phí nhân công	12.925.505.335	11.197.343.730
- Khấu hao tài sản cố định	5.263.947.825	5.604.404.902
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.995.577.875	1.168.259.997
- Chi phí bằng tiền khác	1.395.314.111	4.149.637.243
<b>Cộng</b>	<b>75.627.558.187</b>	<b>28.833.373.701</b>

**6.8 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

**Các loại công cụ tài chính**

	30/06/2022 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2022 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.017.534.852	815.923.392
Phải thu khách hàng và phải thu khác	231.359.507.636	261.326.077.292
Đầu tư dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>233.377.042.488</b>	<b>262.142.000.684</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	254.543.871.702	283.296.207.660
Phải trả người bán và phải trả khác	106.621.210.282	113.075.361.657
Chi phí phải trả	4.229.517.284	10.963.207.062
<b>Cộng</b>	<b>365.394.599.268</b>	<b>407.334.776.379</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(132.017.556.780)</b>	<b>(145.192.775.695)</b>

Tại ngày 30/6/2022 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Hội đồng quản trị độc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>30/06/2022</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	253.318.695.642	1.225.176.060	254.543.871.702
Phải trả người bán và phải trả khác	106.621.210.282	-	106.621.210.282
Chi phí phải trả	4.229.517.284	-	4.229.517.284
<b>Cộng</b>	<b>364.169.423.208</b>	<b>1.225.176.060</b>	<b>365.394.599.268</b>
<b>01/01/2022</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	280.217.190.896	3.079.016.764	283.296.207.660
Phải trả người bán và phải trả khác	113.075.361.657	-	113.075.361.657
Chi phí phải trả	10.963.207.062	-	10.963.207.062
<b>Cộng</b>	<b>404.255.759.615</b>	<b>3.079.016.764</b>	<b>407.334.776.379</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>30/06/2022</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.017.534.852	-	2.017.534.852
Phải thu khách hàng và phải thu khác	231.359.507.636	-	231.359.507.636
Đầu tư dài hạn	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>233.377.042.488</b>	<b>-</b>	<b>233.377.042.488</b>
<b>01/01/2022</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	815.923.392	-	815.923.392
Phải thu khách hàng và phải thu khác	258.838.102.327	2.487.974.965	261.326.077.292
Đầu tư dài hạn	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>259.654.025.719</b>	<b>2.487.974.965</b>	<b>262.142.000.684</b>

Hội đồng quản trị đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**6.9 Báo cáo bộ phận**

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh sản xuất là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

**6.10 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	658,60	655,93
- EUR	6,59	6,59

**7. Thông tin khác****7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
<b>Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT</b>	<b>866.050.400</b>	<b>880.051.000</b>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	866.050.400	880.051.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

#### 7.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị đã có kế hoạch mở rộng sản xuất và đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu các Hợp đồng nhằm thu được nhiều lợi nhuận trong năm 2022, không có nghi ngờ đáng kể nào về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do đó theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty chắc chắn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

#### 7.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét.



Vũ Kế Chương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2022

Trần Thị Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đạt  
Người lập